

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số: 39 quyển số 01 ngày 31/5/2010 của Ủy ban nhân dân xã Nhân Khang, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 594/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Anh Nguyễn Trần A, sinh năm 1985

- Chị Đoàn Thị Mỹ B, sinh năm 1985

Cùng nơi đăng ký thường trú và cư trú: phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21/12/2023, các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình, sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trần A và chị Đoàn Thị Mỹ B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh A và chị B có hai con chung, gồm các cháu: Nguyễn Đoàn Bảo C, sinh ngày 01/12/2010 và cháu Nguyễn Đoàn Bảo D, sinh ngày 10/10/2012. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao cháu C cho anh A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu D cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Anh chị xác định không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Anh A và chị B tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trần A và chị Đoàn Thị Mỹ B.

- Về con chung: Anh A và chị B có hai con chung, gồm các cháu: Nguyễn Đoàn Bảo C, sinh ngày 01/12/2010 và cháu Nguyễn Đoàn Bảo D, sinh ngày 10/10/2012. Anh chị thỏa thuận giao cháu C cho anh A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu D cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có yêu cầu.

Anh A và chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh A và chị B tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh chị xác định không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh A và chị B tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí anh, chị đã nộp theo biên lai số AA/2020/0044391 ngày 20/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Ghi nhận anh A và chị B đã nộp đủ lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- UBND xã Nhân Khang, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam;
- Lưu HS-VP.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Quang